

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng
trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính Về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 194/TTr-SLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2024 về đề nghị ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 31/BC-STP ngày 07/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo khác, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Ban hành đơn giá đào tạo

Ban hành kèm theo Quyết định này 20 đơn giá dịch vụ đào tạo gồm: 06 nghề trình độ sơ cấp, 08 nghề trình độ trung cấp và 06 nghề trình độ cao đẳng thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), các doanh nghiệp tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ, đơn giá thực hiện có bao gồm chi phí khấu hao tài sản.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2), tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3) và đơn vị do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4), đơn giá thực hiện không bao gồm chi phí khấu hao tài sản.

3. Đơn giá dịch vụ đào tạo thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng theo phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ và thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo khác được áp dụng trên địa bàn tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Đơn giá chỉ được lập và phê duyệt lại khi định mức kinh tế - kỹ thuật được sửa đổi hoặc bị thay thế. Trong quá trình thực hiện có các yếu tố ảnh hưởng đến đơn giá như: Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định điều chỉnh đơn giá.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTB&XH;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB);
- TTr.TU, TTr.HĐND tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- TT Công báo-Tin học tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Đài PTTH, Báo BRVT;
- Lưu: VT, VX, SLĐTBXH (.....).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông



Phụ lục

**Ban hành 20 đơn giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng
trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**
(Kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-UBND ngày 02 / 4 /2024 của Ủy ban
Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Đơn vị tính: đồng/người học/khóa

STT	Nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Giá dịch vụ đào tạo chưa tính chi phí khấu hao thiết bị đào tạo (Đồng)	Giá dịch vụ đào tạo có tính chi phí khấu hao thiết bị đào tạo (Đồng)
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	77.481.341	78.316.102
		Trung cấp	55.241.253	55.822.180
2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng	75.502.597	77.453.135
		Trung cấp	54.420.064	55.883.444
3	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	55.396.847	56.971.719
		Trung cấp	38.537.983	39.469.938
4	Thiết kế đồ họa	Cao đẳng	54.817.510	55.396.082
		Trung cấp	35.692.062	36.043.155
5	Kỹ thuật chế biến món ăn	Cao đẳng	56.616.175	57.558.379
		Trung cấp	41.471.194	42.203.746
6	Vẽ và Thiết kế trên máy tính	Cao đẳng	61.080.154	64.164.082
		Trung cấp	43.052.165	44.890.039
7	Nghiep vụ nhà hàng	Trung cấp	36.441.304	36.726.675
8	Nghiep vụ lưu trú	Trung cấp	32.948.421	33.339.037
9	Quản lý nhà hàng-khách sạn	Sơ cấp	5.869.563	6.249.963
10	Nghiep vụ buồng	Sơ cấp	10.639.473	10.923.868
11	Nghiep vụ bàn	Sơ cấp	7.532.474	7.789.823
12	Nghiep vụ lễ tân	Sơ cấp	8.302.855	8.743.623
13	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	15.747.469	15.963.635
14	Kỹ thuật pha chế đồ uống	Sơ cấp	8.117.773	8.365.641



HỘI BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THUYẾT MINH
ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG ÁP DỤNG LĨNH VỰC GIÁO
DỤC NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
(Đính kèm Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh BRVT)

I. Danh mục đơn giá dịch vụ đào tạo

STT	Nghề đào tạo	Trình độ		
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Điện công nghiệp	x	x	
2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	x	x	
3	Quản trị mạng máy tính	x	x	
4	Thiết kế đồ họa	x	x	
5	Kỹ thuật chế biến món ăn	x	x	
6	Vẽ và Thiết kế trên máy tính	x	x	
7	Nghiep vụ nhà hàng		x	
8	Nghiep vụ lưu trú		x	
9	Quản lý nhà hàng-khách sạn			x
10	Nghiep vụ buồng			x
11	Nghiep vụ bàn			x
12	Nghiep vụ lễ tân			x
13	Kỹ thuật chế biến món ăn			x
14	Kỹ thuật pha chế đồ uống			x

II. Căn cứ tính đơn giá

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

- Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;
- Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;
- Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
- Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;
- Thông tư số 123/1999/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Bộ Tài chính quy định chế độ làm việc 40 giờ đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao cho tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.
- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.
- Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng cho các nghề: Quản trị mạng máy tính; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Kỹ thuật chế biến món ăn; Điện công nghiệp; Thiết kế đồ họa áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo một số nghề trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

III. Phương pháp tính chi tiết các khoản mục chi phí

Đơn giá đào tạo/01 người học sau khi hoàn thành khóa học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn cho 01 nghề gồm các yếu tố cấu thành như sau:

a. Chi phí trực tiếp

- Chi phí nhân công (chi phí tiêu hao các yếu tố về lao động) gồm:

+ Lương lao động trực tiếp: áp dụng định mức theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng cho các nghề: Quản trị mạng máy tính; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Kỹ thuật chế biến món ăn; Điện công nghiệp; Thiết kế đồ họa áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo một số nghề trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các văn bản pháp luật hiện hành. Xác định hệ số lương bình quân thực tế tham khảo tại trường công lập có đào tạo nghề cùng trình độ.

+ Phụ cấp nhà giáo là 30% được quy định tại khoản b mục 1 Điều 2 Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005.

+ Lương lao động gián tiếp (hoạt động quản lý, phục vụ): áp dụng định mức theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 và Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với đơn giá giờ làm việc được tính theo Thông tư 123/1999/TT-BTC ngày 15/10/1999 quy định chế độ làm việc 40 giờ đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp.

+ Chi phí bảo hiểm được tính theo chi phí tiền lương lao động trực tiếp, gián tiếp với mức nộp theo Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 quy định chi tiết về tỷ lệ đóng BHXH bắt buộc của người lao động Việt Nam.

- Chi phí vật tư phục vụ trực tiếp cho học tập tính theo định mức vật tư tiêu hao quy định tại Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 và Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo khảo sát giá của 03 nhà cung cấp và lựa chọn đơn vị có chào giá thấp nhất làm cơ sở tính đơn giá.

- Chi phí khấu hao: Chi phí khấu hao được tính cho thiết bị đào tạo theo định mức giờ sử dụng thiết bị được quy định tại Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đơn giá khấu hao căn cứ theo tỷ lệ khấu hao từng nhóm thiết bị được quy định tại Khoản 1, điều 13 của Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 về xác định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định, phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng.

b. Chi phí chung.

Chi phí quản lý, phục vụ hành chính: tính tổng kê bình quân thực tế theo số liệu quyết toán tại trường công lập có đào tạo nghề cùng trình độ trong 03 năm

2019, 2020, 2021 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ đối với nhóm nghề kỹ thuật công nghệ; năm 2020, 2021, 2022 của Trường cao đẳng Du lịch Vũng Tàu đối với nhóm nghề dịch vụ du lịch và phân bổ chi phí theo thời lượng chương trình được phê duyệt. Do là trường công lập có nghề đào tạo tương ứng với nghề xây dựng phương án đơn giá đào tạo nên nội dung công việc và chi phí cho hoạt động phục vụ quản lý sẽ tương đồng.

IV. Hướng dẫn áp dụng

1. Hướng dẫn áp dụng

Bộ đơn giá là cơ sở để thương thảo, xem xét, quyết định giá khi thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ, thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo khác được áp dụng trên địa bàn tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan. Bộ đơn giá này làm cơ sở để hướng dẫn lập dự toán cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của cả doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện:

- Đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), các doanh nghiệp tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ: Được áp dụng đầy đủ các khoản mục chi phí: chi phí nhân công, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí vật liệu, chi phí khấu hao thiết bị, chi phí năng lượng và chi phí quản lý chung.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2), tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3) và đơn vị do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4) thì phải trừ toàn bộ kinh phí đã bố trí cho số biên chế của đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ; không tính chi phí khấu hao thiết bị.

3. Đơn giá chỉ được lập và phê duyệt lại khi định mức kinh tế - kỹ thuật được thay đổi hoặc bị thay thế. Trong quá trình thực hiện có các yếu tố ảnh hưởng đến đơn giá như: Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì Sở Lao động-Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành hướng dẫn điều chỉnh đơn giá hoặc ban hành đơn giá mới.